

Số: 07/2016/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh về ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015 - 2019)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội - quốc phòng - an ninh năm 2015;

Căn cứ Công văn số 76/HĐND ngày 01/4/2016 của Thường trực HĐND tỉnh về ban hành bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2016 và sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 5 năm (2015-2019);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 179/TTr-STNMT ngày 01/4/2016; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 189/BC-STP ngày 15/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh về ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015 - 2019), cụ thể như sau:

1. Sửa đổi khoản 3, 4, 5, 6 mục I, phần B:

“3. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị: Giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị bằng 60% giá đất ở tương ứng cho từng đường phố, đoạn phố, vị trí đất của

tùng đô thị.

4. Giá đất thương mại, dịch vụ tại: nông thôn vùng đồng bằng, nông thôn vùng miền núi xác định bằng 50% giá đất ở tương ứng cho từng đường, đoạn đường, vị trí đất của từng xã.

5. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị: Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị bằng 50% giá đất ở tương ứng cho từng đường phố, đoạn phố, vị trí đất của từng đô thị.

6. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn: Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn bằng 50% giá đất ở tương ứng cho từng đường, đoạn đường, vị trí đất của từng xã”.

2. Bổ sung vào cuối mục I phần B:

“7. Trường hợp giá đất ở, giá đất thương mại, dịch vụ, giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 nêu trên thấp hơn giá tối thiểu tại khung giá đất do Chính phủ quy định tại Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 thì được xác định bằng giá đất tối thiểu tại khung giá đất do Chính phủ quy định”.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/4/2016.

Đối với các dự án đã được ký hợp đồng thuê đất nộp tiền thuê đất hàng năm, thời gian còn lại của hợp đồng sẽ được ký hợp đồng điều chỉnh theo bảng giá đất tại quyết định này.

Giao trách nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra và triển khai thực hiện quyết định này.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành trong tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến

